

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2021/TLST- HNGĐ ngày 17/3/2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1986. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp C, xã S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn G, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp C, xã S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Bà và ông Phan Văn G tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/11/2009. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông G không phụ giúp kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, say sưa về đánh vợ. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình êm ấm, chăm sóc nuôi dạy các con nhưng ông G không thay đổi ngày càng quá đáng. Mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng ly thân từ đầu năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G có ba con chung: Phan Thị T, sinh ngày: 19/01/2011, Phan Văn S, sinh ngày: 10/3/2012 và Phan Thị Tường V, sinh ngày: 30/4/2014. Bà xin được nuôi 02 cháu: Phan Thị T và Phan Thị Tường V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Phan Văn S cho ông G trực tiếp nuôi cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Phan Văn G không đến tòa làm việc không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị N và ông Phan Văn G qua thời gian tìm hiểu đã nảy sinh tình cảm, tự nguyện chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/9/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, không khắc phục được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông G không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà N và ông G đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nam.

- *Về con chung*: Có 03 con chung. Cháu Phan Thị T, sinh ngày 19/01/2011; cháu Phan Văn S, sinh ngày 10/3/2012 và cháu Phan Thị Tường V, sinh ngày 30/4/2014.

Sau ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và cháu V đến tuổi trưởng thành. Giao cháu S cho ông G nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, xét thấy nguyện vọng của các cháu là được ở với mẹ sau khi bà N và ông G ly hôn. Hơn nữa, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay, ông G không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện cũng như nguyện vọng của bà Nam. Vì vậy, để đảm bảo về điều kiện phát triển mặt tinh thần và thể chất, xét thấy cần giao các cháu Phan Thị T, Phan Văn S và Phan Thị Tường V cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều

81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó:

- Bà N được ly hôn với ông G; bà N nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành; buộc ông G cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

^[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị N khởi kiện ông Phan Văn G, có nơi cư trú tại ấp C, xã S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Văn G mặc dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

^[2] Về nội dung:

Bà Bùi Thị N và ông Phan Văn G tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/11/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông G không phụ giúp kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt say sưa về đánh vợ. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình êm ấm, cùng nhau chăm sóc nuôi dạy các con nhưng ông G không thay đổi. Bà N và ông G sống ly thân từ đầu năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn với ông G.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho ông G biết nhưng ông G không có ý kiến phản hồi. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông G không đến làm việc. Điều này thể hiện việc ông G không những không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng.

Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà N và ông G mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà N và ông G có ba con chung. Bà N xin được nuôi hai cháu Phan Thị T, sinh ngày: 19/01/2011 và Phan Thị Tường V, sinh ngày: 30/4/2014 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Phan Văn S, sinh ngày: 10/3/2012 cho ông G trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Theo bà N, hiện bà,

ông G và các con vẫn đang sống tại căn nhà của vợ chồng. Sau khi ly hôn, bà sẽ đưa 2 con ra ngoài sống. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N hiện làm công nhân, ông G làm lao động tự do chuyên đi cưa cây thuê. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông G không thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con, nhưng do ông G bà N có tới 3 con chung, thu nhập của mỗi người đều ở mức vừa đủ sống nên để đảm bảo khả năng kinh tế và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, Hội đồng xét xử xét thấy cần chia các con cho cả ông G, bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các cháu Phan Thị T và Phan Thị Tường V là con gái cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên theo nguyện vọng của bà N, cháu T và cháu V thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu T, cháu V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu S cho ông G trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

^[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Phan Văn G.

Về con chung: Giao các cháu Phan Thị T, sinh ngày: 19/01/2011 và Phan Thị Tường V, sinh ngày: 30/4/2014 cho bà Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Phan Văn S, sinh ngày: 10/3/2012 cho ông Phan Văn G trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phan Văn G, bà Bùi Thị N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn G, bà Bùi Thị N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006367 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Bà Nam đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- UBND xã Sông Xoài, Phú Mỹ, BR-VT
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Thảo Nguyên